

30133202
30133204 (PDF)

**Psalm 34: Taste and See/Thánh Vịnh 33: Các Bạn Hãy Nếm Thử/
Salmo 33: Gusten y Vean**
Cantor, SATB Choir, Piano, Guitar, Solo Instrument, and Assembly

Đồng Dao/
Rufino Zaragoza



PSALM 34: TASTE AND SEE/
THÁNH VỊNH 33:
CÁC BẠN HÃY NẾM THỬ/
SALMO 33: GUSTEN Y VEAN

ĐỒNG DAO
AND RUFINO ZARAGOZA, OFM

FROM THE COLLECTION
My God and My All
Octavo Packet #30141036
CD #30141037

ocp.org | 1-800-LITURGY (548-8749)



Composer Notes

The basis of this octavo is “Thánh Vịnh 33: Các Bạn Hãy Nếm Thử (Psalm 34: Taste and See)” by Đồng Dao, as found in the Vietnamese hymnal *Thánh Ca Dân Chúa* (song #36), published by OCP. At the request of music director John Flaherty for more inclusion of Vietnamese in the closing Mass of the 2009 Los Angeles Religious Education Congress, I began developing a bilingual (Vietnamese/English) Communion song based on Mr. Dao’s composition.

I wished to develop the piece so it could be used as either a Communion song or a responsorial psalm. But upon review of Đồng Dao’s verses of his published Psalm 34, I learned that he did not complete the assigned verses found in the Lectionary. So I asked him if he would compose additional verses based on the Lectionary text, which he did, and are used in this octavo (verses 2–3, 4–5, 6–7, 8–9 as found in the readings for the 19th Sunday of Ordinary Time, year B [116]).

After this piece was used at Religious Education Congress in 2009, I asked Steve Grundy to do an arrangement. Then we thought about making the piece trilingual, and he added the Spanish text to the refrain. Much later, Eleazar Cortés adapted verses from the Spanish Lectionary. So truly, the development of this multilingual piece was an intercultural endeavor. Gratitude to Stella García and Craig Kingsbury for their careful editing and getting this piece prepared for publication.

This psalm is intended for use as a responsorial psalm or Communion processional at bilingual (Vietnamese/English) liturgies. With two refrains in different languages and two sets of verses, the music director has many options in alternating between Vietnamese and English. The first step is for the director to assess the “base language” of the assembly. (This term is taken from Federation of Diocesan Liturgical Commissions’ “Liturgy in a Culturally Diverse Community.”) If the majority of the assembly speaks English, then English is the base language; if the majority of the assembly speaks Vietnamese, then Vietnamese is the base language.

Vietnamese Base Language: The refrain would always be done in Vietnamese and the verses could alternate between Vietnamese and English.

English Base Language: The refrain would be sung first in Vietnamese, by a cantor or Vietnamese section of the combined choir, to exemplify the style and origin of the piece. Then the refrain would be repeated in English and the verses could alternate between English and Vietnamese. The refrain continues in English after the verses. Perhaps the final refrain could overlap the two languages, the Vietnamese serving as a descant to the English refrain.

Bilingual Assembly: Perhaps at an ordination or special diocesan celebration, the assembly is equally balanced between Vietnamese and English native speakers. If used during Communion, one approach is to always sing the refrain twice, first in Vietnamese and then in English, while alternating the verses. The final refrain could overlap the two languages, the Vietnamese serving as a descant to the English refrain (as it is presented in the Optional Final Refrain of this octavo). However such a practice would be too long for a responsorial psalm and perhaps the refrains could alternate between the two languages within the Liturgy of the Word.

Trilingual Assembly: If a segment of the assembly is Spanish-speaking, perhaps one of the refrains and verses could be sung in Spanish. One approach would be to have the first verse in Vietnamese, the second verse in English, the third in Spanish, and the fourth in Vietnamese; the language of the refrain would follow the language of the verse.

For the non-Vietnamese musician, the wide range of the refrain is unusual, but such extended melodies are common in Vietnamese repertoire. The Vietnamese verses also have an extended range, and would normally be sung by a cantor. Note the optional middle C in measure 7 of the Vietnamese verses for those who do not have the range of a low G.

—Rufino Zaragoza, OFM

Psalm 34: Taste and See/ Thánh Vịnh 33: Các Bạn Hãy Nếm Thử/ Salmo 33: Gusten y Veán

Based on Psalm 34 (33):2-3, 4-5, 6-7, 8-9
Vietnamese, Đồng Dao; English, Rufino Zaragoza, OFM;
Spanish verses adapt. by Eleazar Cortés

Đồng Dao and
Rufino Zaragoza, OFM
Arr. by Steve Grundy

INTRO (♩ = 76-80)

(Solo Inst.)

Cadd9 Em Am

Piano

Fadd9 Cadd9

*Play cues only if no solo instrument.

Vietnamese text and music © 1983, 2009, Đồng Dao. Published by OCP, 5536 NE Hassalo, Portland, OR 97213. All rights reserved.
English text, Spanish verses text, and music © 2009, 2010, Rufino Zaragoza, OFM. Published by OCP. All rights reserved.
Spanish refrain text © 1970, Comisión Episcopal Española de Liturgia. All rights reserved. Used with permission.

REFRAIN: VIETNAMESE

Các bạn hãy ném thư và hãy nhìn xem, cho biết

C Cadd9 Em

Chúa thiên hào đường bao.

Am Fadd9 Cadd9

1... (1st time: *D.S.*) to Verses Final Fine

1... (1st time: *D.S.*) to Verses Final Fine

1. Tôi
2. Dâng
3. Nhìn
4. Chung

1... C (1st time: *D.S.*) to Verses Final C Fine

♩ REFRAIN: ENGLISH/SPANISH

Taste and see, taste and see that the Lord, our God, is good,
Gus - ten y ve - an, gus - ten y ve - an qué bue - no es el Se - ñor,

♩ Cadd9 Em Am Fadd9

1... (1st time: *D.S.*) to Verses Final *Fine*

1... (1st time: *D.S.*) to Verses Final *Fine*

that the Lord, our God, is good.
qué bue - no es el Se - ñor.

- 1. A
- 2. ♯
- 3. Con -
- 4. El

1... C (1st time: *D.S.*) to Verses Final C *Fine*

VIETNAMESE VERSES: Cantor

(1. Tôi) luôn chúc — tụng Chúa Trời lời hát — khen — Ngài không
 (2. Dâng) lên Chúa — lời ca ngợi nào hỡi — các — bạn ta
 (3. Nhìn) về Chúa — để các bạn lòng trí — vui — mừng, không
 (4. Chung) quanh kẻ — sợ kính Ngài, này các — Sứ — Thần đóng

C Em F C

1. ngừng rộn trên — lưỡi — tôi. Trong Chúa hồn tôi hành —
 2. cùng hợp tiếng — tán — dương. Tôi đã cầu khẩn lên —
 3. khỏi hồ người — bề — mặt. Kẻ khôn khổ kêu khẩn —
 4. trại để canh — giữ — họ. Thiên Chúa thật bao tốt —

Am Dm G C

1. diện, bạn nghèo nào nghe tiếng tôi mà hãy — vui — lên. *D.S.*
 2. Ngài và Ngài cứu chữa những ai dập nát — tâm — can. *D.S.*
 3. Ngài và Ngài đã cứu thoát họ khỏi những — tai — ương.
 4. lành, thật là hạnh phúc biết bao kẻ ở — bên — Ngài.

Am F G C Am G *D.S.*

ENGLISH VERSES: Cantor

1. I will bless the Lord at all times; God's
 2. Come glorify the Lord with me, as
 3. Those who look toward God are radiant with joy, their
 4. The angel of the Lord encamps with them, de -

Am Em G

1. prais - es ev - er on my lips. My soul glo - ries in the
 2. one we praise God's name. I sought the Lord and was
 3. fac - es free of all shame. When the poor cried out the Lord
 4. liv - ers all who fear God. Taste and see the Lord is

Am G C

1. Lord, that the poor and low - ly may hear and be glad.
 2. heard; from all my fears the Lord has set me free.
 3. heard; and God rescued them from all trouble and dis - tress.
 4. good; Oh, blest are they who seek refuge in the Lord.

Am Dm Am G D.S.

SPANISH VERSES: Cantor

(1. A) ca - da in - stan - te ben - di - go al Se - ñor, lo a -
 (2. 7) Glo - ri - fi - quen con - mi - go al Se - ñor, 7
 (3. Con -) tém - plen - lo y de go - zo i - ra - dia - rán, ver -
 (4. El) án - gel del Se - ñor es - tá con sus fie - les, pro -

Am Em G

1. la - ba siem - pre mi bo - ca; 7 se glo - rí - a mi al - ma en
 2. en - sal - cé - mos - le u - ni - dos. Le con - sul - té y él me res - pon -
 3. güen - za no su - fri - rán. Si el a - fli - gi - do in - vo - ca al Se -
 4. te - ge a los que le te - men. Gus - ten y ve - an qué fue - no es

Am G C

1. él: que lo es - cu - chen los hu - mil - des y se a - le - gren. D.S.
 2. dió, y de to - das mis an - sias me lí - bró. D.S.
 3. ñor, él lo es - cu - cha y lo sal - va de sus an - gus - tias.
 4. él, di - cho - so a - quel que bus - ca en él a - si - lo. D.S.

Am Dm Am G

OPTIONAL FINAL REFRAIN

Các bạn hãy nếm thử và hãy nhìn xem, cho biết

Taste and see, taste and see that the
Gus - ten y ve - an, gus - ten y ve - an qué

Chúa thiên hào đường bao.

Lord, our God, is good, that the Lord, our God, is good.
bue - no es el Se - ñor, qué bue - no es el Se - ñor.

Chords: C, Cadd9, Em, Am, Fadd9, C

Psalm 34: Taste and See/Thánh Vịnh 33: Các Bạn Hãy Nếm Thử/Salmo 33: Gusten y Ve-an

Psalm 34: Taste and See/ Thánh Vịnh 33: Các Bạn Hãy Nếm Thử/ Salmo 33: Gusten y Vean

(Guitar/Vocal)

Based on Psalm 34 (33):2-3, 4-5, 6-7, 8-9
Vietnamese, Đồng Dao; English, Rufino Zaragoza, OFM;
Spanish verses adapt. by Eleazar Cortés

Đồng Dao and
Rufino Zaragoza, OFM

INTRO (♩ = 76-80)

Cadd9 Em Am Fadd9 Cadd9

(Solo Inst.)

§ REFRAIN: VIETNAMESE

C Cadd9 Em Am

Các bạn hãy nếm thử và hãy nhìn xem, cho biết Chúa thiên
hào đường bao.

Fadd9 Cadd9

1... C (1st time: *D.S.*)
to Verses

Final C *Fine*

§ REFRAIN: ENGLISH/SPANISH

Cadd9 Em Am

Taste and see, taste and see that the Lord, our God, is
Gus - ten y ve - an, gus - ten y ve - an qué fue - no es el Se -
good, that the Lord, our God, is good. good.
ñor, qué fue - no es el Se - ñor. ñor.

Fadd9 Cadd9

1... C (1st time: *D.S.*)
to Verses

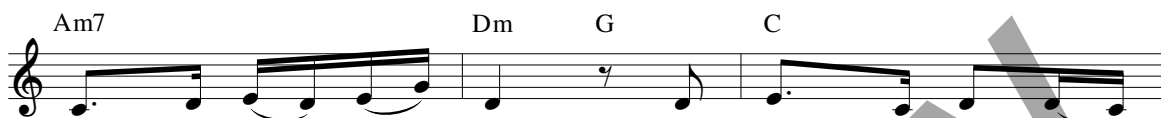
Final C *Fine*

Vietnamese text and music © 1983, 2009, Đồng Dao. Published by OCP, 5536 NE Hassalo, Portland, OR 97213. All rights reserved.
English text, Spanish verses text, and music © 2009, 2010, Rufino Zaragoza, OFM. Published by OCP. All rights reserved.
Spanish refrain text © 1970, Comisión Episcopal Española de Liturgia. All rights reserved. Used with permission.

VIETNAMESE VERSES: Cantor



1. Tôi luôn chúc tụng Chúa Trời lời hát khen Ngài không
 2. Dâng lên Chúa lời ca ngợi nào hỡi các bạn ta
 3. Nhìn về Chúa để các bạn lòng trí vui mừng, không
 4. Chung quanh kẻ sợ kính Ngài, này các Sứ Thần đóng



1. ngừng rộn trên lưỡi tôi. Trong Chúa hồn tôi hãnh
 2. cùng hợp tiếng tán dương. Tôi đã cầu khẩn lên
 3. khỏi hổ người bề mặt. Kẻ khốn khổ kêu khẩn
 4. trại đề canh giữ họ. Thiên Chúa thật bao tốt

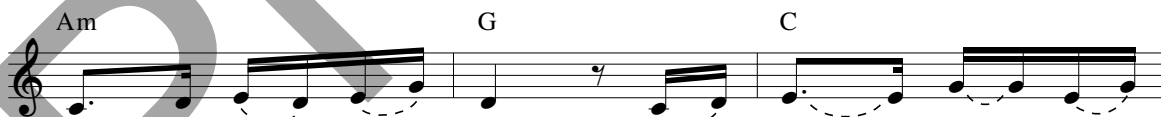


1. diện, bạn nghèo nào nghe tiếng tôi mà hãy vui lên.
 2. Ngài và Ngài cứu chữa những ai đập nát tâm can.
 3. Ngài và Ngài đã cứu thoát họ khỏi những tai ương.
 4. lành, thật là hạnh phúc biết bao kẻ ở bên Ngài.

ENGLISH VERSES: Cantor



1. I will bless the Lord at all times; God's
 2. Come glorify the Lord with me, as
 3. Those who look toward God are ra-diant with joy, their
 4. The an-gel of the Lord en-camps with them, de-



1. prais-es ev-er on my lips. My soul glo-ries in the
 2. one we praise God's name. I sought the Lord and was
 3. fac-es free of all shame. When the poor cried out the Lord
 4. liv-ers all who fear God. Taste and see the Lord is



1. Lord, that the poor and low-ly may hear and be glad.
 2. heard; from all my fears the Lord has set me free.
 3. heard; and God res-cued them from all trou-ble and dis-tress.
 4. good; Oh, blest are they who seek ref-uge in the Lord.

SPANISH VERSES: Cantor

Am Em G

1. A ca - da in - stan - te ben - di - go al Se - ñor, _____ lo a -
 2. ¶ Glo - ri - fi - quen con - mi - go al Se - ñor, _____ ¶
 3. Con - tém - plen - lo y de go - zo i - ra - dia - rán, _____ ver -
 4. El án - gel del Se - ñor es - tá con sus fie - les, pro -

Am G C

1. la - ba siem - pre mi bo - ca; ¶ se glo - rí - a mi al - ma en
 2. en - sal - cé - mos - le u - ni - dos. Le con - sul - té y él me res - pon -
 3. güen - za no _____ su - fri - rán. Si el a - fli - gi - do in - vo - ca al Se -
 4. te - ge a los que le te - men. Gus - ten y ve - an qué bue - no es

Am Dm Am G D.S.

1. él: que lo es - cu - chen los hu - mil - des y se a - le - gren. _____
 2. dió, y de to - das mis _____ án - sias me li - bró. _____
 3. ñor, él lo es - cu - cha y lo _____ sal - va de sus an - gus - tias. _____
 4. él, di - cho - so a - quel que _____ bus - ca en él a - si - lo. _____

OPTIONAL FINAL REFRAIN

C Cadd9 Em

Các _____ ban hã y nẽm thũ và hã y nhĩn xem, cho biẽt

C Cadd9 Em

Taste and _____ see, _____ taste _____ and _____ see that the
 Gus - ten y ve - an, gus - ten y ve - an qué

Am Fadd9 Cadd9 C

Chúa thĩn hã _____ đường _____ bao.

Am Fadd9 Cadd9 C

Lord, our God, is _____ good, that the Lord, our God, is _____ good. _____
 bue - no es el Se - ñor, qué _____ bue - no es el Se - ñor. _____

Psalm 34: Taste and See/
Thánh Vịnh 33: Các Bạn Hãy Nếm Thử/
Salmo 33: Gusten y Vean

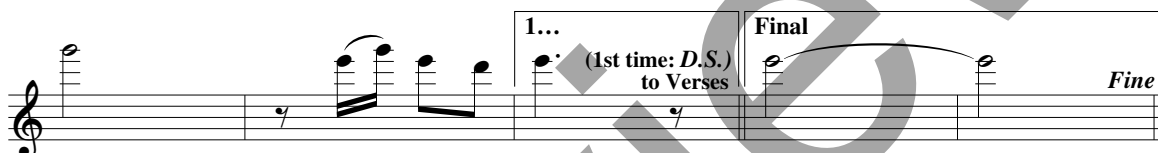
SOLO INSTRUMENT in C

Đồng Dao and Rufino Zaragoza, OFM
Arr. by Steve Grundy

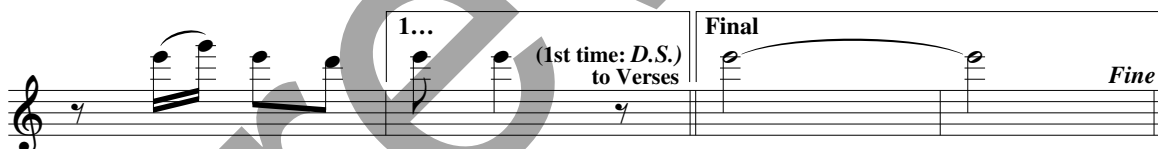
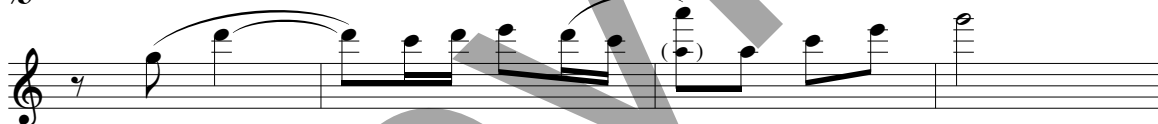
INTRO (♩ = 76-80)



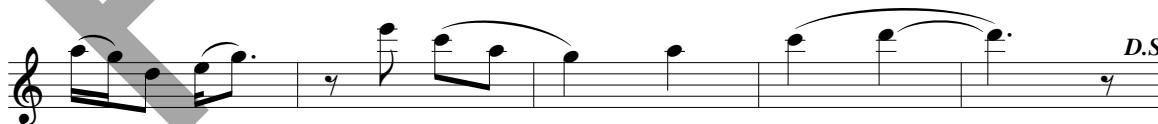
REFRAIN: VIETNAMESE



REFRAIN: ENGLISH/SPANISH



VIETNAMESE VERSES



ENGLISH / SPANISH VERSES



Assembly Editions

PSALM 34: TASTE AND SEE / THÀNH VỊNH 33: CÁC BẠN HÃY NEM THỬ / SALMO 33: GUSTEN Y VEAN

Đồng Dao and Rufino Zaragoza, OFM

Refrain

Vietnamese Các bạn hãy nem thử và hãy nhìn xem, cho biết

English Taste and see, taste and see that the

Spanish Gus - ten y ve - an, gus - ten y ve - an qué

Chúa thiện hảo dường bao.

Lord, our God, is good, that the Lord, our God, is good.

bue - no - es el Se - ñor, qué bue - no - es el Se - ñor.

Vietnamese Verses: Cantor

1. Tôi luôn chúc tụng Chúa Trời
lời hát khen Ngài
không ngừng rộn trên lưỡi tôi.
Trong Chúa hồn tôi hân diện,
bạn nghèo nào nghe tiếng
tôi mà hãy vui lên.
2. Dâng lên Chúa lời ca ngợi nào
hỡi các bạn
ta cùng hợp tiếng tán dương.
Tôi đã cầu khẩn lên Ngài
và Ngài cứu chữa những
ai đập nát tâm can.
3. Nhìn về Chúa để các bạn lòng
trí vui mừng,
không khỏi hổ ngươi bẽ mặt.
Kẻ khốn khổ kêu khẩn Ngài
và Ngài đã cứu thoát họ khỏi
những tai ương.
4. Chung quanh kẻ sợ kính Ngài,
này các Sứ Thần
đồng trai để canh giữ họ.
Thiên Chúa thật bao tốt lành,
thật là hạnh phúc biết bao kẻ ở bên Ngài.

Spanish Verses: Cantor

1. *A cada instante bendigo al Señor,
lo alaba siempre mi boca;
se gloria mi alma en él:
que lo escuchen los humildes y se alegren.*
2. *Glorifiquen conmigo al Señor,
ensalcémosle unidos.
Le consulté y él me respondió,
y de todas mis ansias me libró.*

English Verses: Cantor

1. I will bless the Lord at all times;
God's praises ever on my lips.
My soul glories in the Lord,
that the poor and lowly may
hear and be glad.
 2. Come glorify the Lord with me,
as one we praise God's name.
I sought the Lord and was heard;
from all my fears the Lord has
set me free.
 3. Those who look toward God
are radiant with joy,
their faces free of all shame.
When the poor cried out
the Lord heard;
and God rescued them from all
trouble and distress.
 4. The angel of the Lord
encamps with them,
delivers all who fear God.
Taste and see the Lord is good;
Oh, blest are they who seek
refuge in the Lord.
3. *Contémplo y de gozo iradiarán,
vergüenza no sufrirán.
Si el afligido invoca al Señor,
él lo escucha y lo salva de sus angustias.*
 4. *El ángel del Señor está con sus fieles,
protege a los que le temen.
Gusten y vean qué bueno es él,
dichoso aquel que busca en él asilo.*

Text: Based on Psalm 34 (33):2-3, 4-5, 6-7, 8-9. Vietnamese text and music © 1983, 2009, Đồng Dao.
Published by OCP, 5536 NE Hassalo, Portland, OR 97213. All rights reserved. English: Rufino Zaragoza, OFM;
Spanish verses adapted by Eleazar Cortés. English text, Spanish verses text, and music © 2009, 2010,
Rufino Zaragoza, OFM. Published by OCP. All rights reserved. Spanish refrain text © 1970,
Comisión Episcopal Española de Liturgia. All rights reserved. Used with permission.

For reprint permissions, please visit OneLicense.net or contact us at 1-800-663-1501.

Assembly Editions

PSALM 34: TASTE AND SEE/ THÁNH VỊNH 33: CÁC BẠN HÃY NẾM THỬ/ SALMO 33: GUSTEN Y VEAN

Đồng Dao and Rufino Zaragoza, OFM

Refrain

Vietnamese Các bạn hãy nếm thử và hãy nhìn xem, cho biết

English Taste and see, taste and see that the

Spanish Gus - ten y ve - an, gus - ten y ve - an qué

Chúa thiện hảo dường bao.

Lord, our God, is good, that the Lord, our God, is good.

bue - no es el Se - ñor, qué bue - no es el Se - ñor.

Text: Based on Psalm 34 (33). Vietnamese text and music © 1983, 2009, Đồng Dao.
Published by OCP, 5536 NE Hassalo, Portland, OR 97213. All rights reserved. English: Rufino Zaragoza, OFM.
English text and English/Spanish music © 2009, 2010, Rufino Zaragoza, OFM. Published by OCP. All rights reserved.
Spanish text © 1970, Comisión Episcopal Española de Liturgia. All rights reserved. Used with permission.

PSALM 34: TASTE AND SEE/ SALMO 33: GUSTEN Y VEAN

Rufino Zaragoza, OFM

Refrain

English Taste and see, taste and see that the

Spanish Gus - ten y ve - an, gus - ten y ve - an qué

Lord, our God, is good, that the Lord, our God, is good.

bue - no es el Se - ñor, qué bue - no es el Se - ñor.

Based on "Thánh Vịnh 33: Các Bạn Hãy Nếm Thử" by Đồng Dao. Text based on Psalm 34 (33).
Spanish text © 1970, Comisión Episcopal Española de Liturgia. All rights reserved. Used with permission.
Music and English text © 2009, 2010, Rufino Zaragoza, OFM.
Published by OCP, 5536 NE Hassalo, Portland, OR 97213. All rights reserved.

For reprint permissions, please visit OneLicense.net or contact us at 1-800-663-1501.

INTERCULTURAL MUSIC SERIES

The Intercultural Music Series from OCP provides multilingual music for multicultural celebrations. Titles in this series promote unity and collaboration within the congregation as it sings with one voice, as one community of faith, while sharing and celebrating its diverse linguistic heritage.

Title	Edition No.
Ang Katawan ni Kristo/Behold, the Body of Christ (R. Manalo, CSP/P. de Leon)	20041
Ang Pasko Ay Sumapit (V. Rubi/L. Celerio)	30100294
Come, O Spirit of God (R. Manalo, CSP)	11724
Exaudi Nos/Hear Us, O Lord (R. Zaragoza, OFM)	20723
Halina, Hesus (E. Hontiveros, SJ/R. Javellana, SJ)	30100295
Hear Our Prayer, O Lord (D. Nguyen/R. Zaragoza, OFM)	30106262
Hosanna/Osana (J. Whitaker)	30130003
How Lovely Is Your Dwelling Place (A. Aquino, SJ)	30100296
Humayo't Ihayag (M. Francisco, SJ/J. Go, SJ/L. Catalan, SJ)	30100297
Ito Ang Araw (A. Aquino, SJ)	30100299
Ito Ang Bagong Araw (F. Ramírez, SJ/D. Isidro, SJ)	30100300
'Ke Bona Leseli (B. Bridge)	12769
Magnificat (Ang Puso Ko'y Nagpupuri) (E. Hontiveros, SJ)	30100301
Pananagutan (E. Hontiveros, SJ)	30100302
Psalm 34: Taste and See/Thánh Vịnh 33: Các Bạn Hãy Nếm Thử/ Salmo 33: Gusten y Vean (Đ. Dao/R. Zaragoza, OFM)	30133202
Purihim ang Panginoon (F. Ramírez, SJ/D. Isidro, SJ)	30100303
Radiant Light Divine (R. Zaragoza, OFM)	20766
Sacred Heart of Jesus/Banal na Puso ni Jesus (P. Cacanindin)	20757
Tanging Yaman (M. Francisco, SJ/P. Gan, SJ)	30100304
Tâm Tình Hiến Dâng/A Gift of Love/Don de Amor (O. Lam)	30108087
These Alone Are Enough/Sólo Eso Me Basta/Dâng và Xin (D. Schutte)	30128188
Way of the Cross (M. Francisco, SJ)	30100305

